

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 12 năm 2018

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Phạm Mạnh Cường**
+ Bà **Vương Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Bà **Hoàng Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T** - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 12, xã L, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T** - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện T, tỉnh P.

Chị T có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày như sau:

Chị và anh Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống và làm việc tại huyện Đ, H. Thời gian vợ chồng sống hòa thuận chỉ được khoảng 05 tháng thì bắt đầu có mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 7/2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu bia, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Chị và gia đình hai bên đã khuyên nhủ, góp ý nhưng anh T không sửa đổi. Do không giải quyết được mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc vì vậy từ tháng 9 năm 2018 vợ chồng đã phải sống ly thân. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng,

chị cũng không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh **Trần Văn T** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai thể hiện quan điểm như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và cùng làm việc tại Đ, H. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2018 thì có mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do chị T thay đổi tình cảm đối với anh, một phần cũng do vấn đề tài chính vì có thời gian anh bị thất nghiệp, không việc làm. Từ tháng 9/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T có đơn yêu cầu được ly hôn nhưng hiện tại anh không đồng ý và đề nghị có thêm thời gian để anh suy nghĩ, quyết định việc hôn nhân.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác như chị T đã trình bày, anh T cũng xác nhận vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vì vậy Tòa án không thể tiến hành thủ tục hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Trần Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn T kể từ khi kết hôn cho đến nay và xét yêu cầu của mỗi bên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên vợ chồng mới chỉ mới chung sống được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn nhưng lại không có biện pháp tích cực nào để cùng nhau giải quyết những bất đồng mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và phải sống ly thân nhau từ nhiều tháng nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai cũng không có hành động thực tế, cụ thể nào để hàn gắn níu kéo hôn nhân. Và trên thực tế thì vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung của gia đình, mâu thuẫn vợ chồng khó có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy xét yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T là có căn cứ, việc ly hôn là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác, chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị **Nguyễn Thị Kim T** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh T đều xác nhận không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp **300.000.đ** (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/20116/0001418 ngày 15/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn